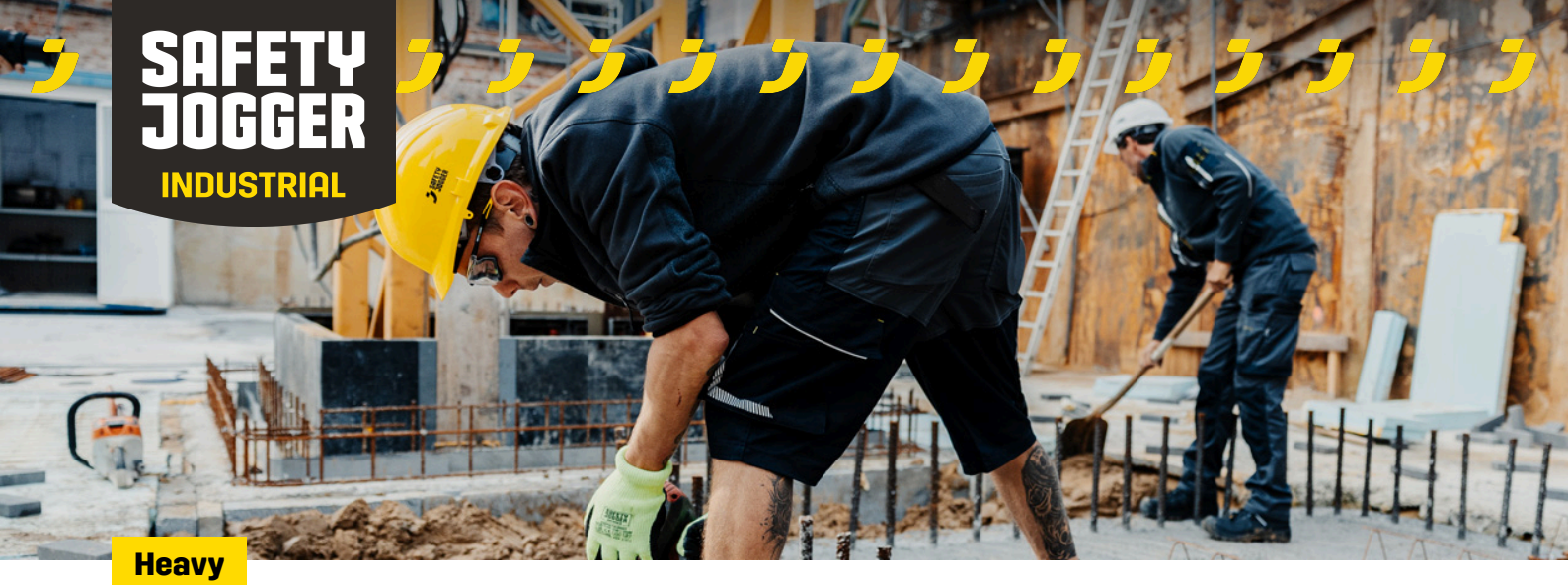


Heavy

VESUVIO WINTER S3S

VESUVWNTR

b ố t **mùa đông** bằn g **da nguyên** miế ớp **lót Thinsulate 200 và** đế **PU/cao su** Đ ư ế c h ế t k n g điều k i ệ n khắc VESUVIO Winter S3S iữ a b ố đế g á g thủn g nh ẹ , phần **trên cách** nhiệ t **cao** h ơn **và** ó t **Thinsulate 200 gram** l t ấm **và** đế **ngoài** bằn g **cao su/PU BASF** chắc ẩn phẩm có độ **bám và** l ự c **kéo** t u ộ **trong môi** bằng giá.



BLK

Những vật liệu cao cấp hơn ựa điển Da ng	
lót bên trong	i tái chế lướ
trong Đ	ệm **chân mùa đông SJ** bằng **mút tái** chế (85% tái chế)
iữa đế g	ệt chống thủ ng
ngoài Đ	**BASF PU/Cao Su (NBR)**
u Đứng đầ	**Thép**
i Loạ	**S3S / SR, SC, FO, HI, HRO, CI**
Phạm vi kích thước	**EU 36-50**
ng lượng t **thép**	**0.780 kg**
ẩn hiệu chu	**ASTM F2413:2018** **EN ISO 20345:2022**



Mặt **trên** bằng **da thoáng khí** Da tự nhiên ng các ứng dụng linh hoạt



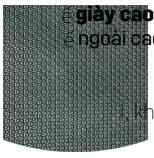
Cách điện lạnh **(CI)** Giày bảo hộ cách t (CI) đội chân ng được mặc trong môi



Đ nhiệt Đ được nhiệt độ cao lên đến 300°C.



& nhiên u ng dầu ế ngoài có k khả năng ng dầu.



giày cao su ế ngoài cao su cung cấp các tính năng linh hoạt giúp chúng phù l ực ứng dụng: khả năng chống cắt năng chịu nhiệt và độ lạnh, tính linh hoạt cao ở nhiệt độ lạnh, khả năng và nhiều l



mũi ng **mài mòn (SC)** Vật liệu che phủ mũi giày đã được thử nghiệm riêng mòn vật liệu trên (ví dụ: khi quỳ) và mở rộng giày an toàn.

Công nghiệp n:

Xây dự n g, Ngành công n ghiệ p, Dầu khi, Khai thác m ỏ

ường: **Môi** t

rư ờn g môi t anh , Bề mặt cự c mịn ờn, môi bùn, b ề mặt không bằn g phẳn g, môi ề mặt ấm áp

Cac hương dân ba#o tri:

éo dài t Đ giày, chúng tôi khuyên bạn nên v ệ sinh giày thư ờn g xuyên và bảo v ệ chúng bằn phẳ cách hàn hiệ Không trên lò s

K

	Sự miêu t ả	EN ISO 20345	ế t ơn vị đo u	l Đ ờn g q
	Những vật l iệu đầu n g cao cấp h ơn			
	Top: khả năng ấm ớ	? 0.8	3.2	mg/cm/g
	Top: h ệ số ớ	? 15	33.3	mg/cm2
ót bên trong	i tái h ế ớ			
	L ớp lót: ấm ớ	? 2	103.5	mg/cm/g
	lót: h ệ số ớ	? 20	827.6	mg/cm2
rong	Đ ệ m chân mùa đông SJ bằn g mút tái ch ế (85% tái ch ế)			
	ệ m chân Đ ch ố n g mài mòn (khô/ ướ t) (chu kỳ)	25600/12800	Dry 25600 cycles/Wet 12800 cycles	chu kỳ
goài	Đ BASF PU/Cao Su (NBR)			
	Ch ố mài mòn ế ngoài (	? 150	83.9	mm
	Chư ố trơ gót bản - Ceramic + NaLS - Trư ợt gót v ề phía t	? 0.31	0.54	ma sát
	rư Cột cố bảng - G ố m + NaLS - Trư ợt lùi v ề phía t	? 0.36	0.48	ma sát
	rư Cột SR - G ố m + Glycerin - Trư ợt gót phía t	? 0.19	0.32	ma sát
	Chư ố trơ SR G ố m + Glycerin - Trư ợt lùi ề phía t	? 0.22	0.30	ma sát
	ị ch ố Giá t tĩnh điệ n	0.1 - 1000	390	megaohm
	ị ESD Giá t	0.1 - 100	N/A	megaohm
	Hấp thụ năng l ợ gót chân ủ	? 20	37	J
	Đ ứ n g đầ Thép			
	Mũi giày an toàn ch ố n g va đập (kh oản g cách sau va đập 100J)	N/A	N/A	mm
	Mũi bảo h ộ ch ố n g nén (kh oản g h ở sau khi nén 10kN)	N/A	N/A	mm
	Mũi giày an toàn ch ố n g va đập (kh oản g cách sau va đập 200J)	? 14	15.0	mm
	Mũi giày an toàn ch ố n g nén (kh oản g h ở sau khi nén 15kN)	? 14	20.0	mm

kích thước thép: 42

a chú Giày khôn có t thay và nhãn hiệu Safety Jogger đã được đăng ký và không được sao chép dưới dạng nào mà không có bằng văn bản ủ

hân sinh ng thái:

	Sự miêu t ả	ế t ơn vị đo u	l Đ ờn g q
i CO# hát thả			
	V ật l iệu	10.98	kg
	Bao bì	0.13	kg
	ất Sản x u	1.90	kg
	Chuyên ch ở	0.26	kg
		13.27 kg CO2/ cặp	

	Sự miêu t ả	ế t ả u	K q
ệ vật l	Tiệ ỷ tái ch ế		
	Product	7%	
	Bao bì	99%	

Tính toán CO2:

ị đ Các giá tròn đến hai chữ số thập phân.

Các phân tích này được thực hiện bằng các công cụ tính t i ể t h a y đổi.